

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

-----

Số: 31200/CTHN-TTHT  
V/v thuế nhà thầu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2022

**Kính gửi:** Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ cao Hòa Bình  
(Địa chỉ: Tầng 4 sân tập golf Phương Đông - khu Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội, Phố Tân Mỹ, P. Cầu Diễn, TP. Hà Nội)  
MST: 0101595730

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 14/HTECH-TTr nhận ngày 10/06/2021 của Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ cao Hòa Bình (gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế nhà thầu, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định:

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

*“Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):*

*1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu...”*

+ Tại Điều 6 quy định đối tượng chịu thuế GTGT:

*“1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), bao gồm:*

*- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp tại Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam;*

*- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp ngoài Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam...”*

+ Tại Điều 7 quy định thu nhập chịu thuế TNDN:

*“1. Thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là thu nhập phát sinh từ hoạt động cung cấp, phân phối hàng hóa; cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I).*

...

*3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:*

...”

+ Tại Điều 8 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế

*“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương II nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

*1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;*

*2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;*

*3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.”*

+ Tại Điều 11 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu:

*“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”*

- Căn cứ Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam và các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam:

+ Tại Điều 4 hướng dẫn nguyên tắc áp dụng Hiệp định:

*“Khi áp dụng, xử lý thuế đối với từng trường hợp phải căn cứ theo quy định tại từng Hiệp định (bao gồm cả Nghị định thư và/hoặc Thư trao đổi nếu có).”*

+ Tại Điều 5 quy định áp dụng Hiệp định, luật thuế và các luật có liên quan

*“1. Trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định tại Hiệp định và các quy định tại luật thuế trong nước thì sẽ áp dụng theo các quy định của Hiệp định.*

*2. Hiệp định không tạo ra các nghĩa vụ thuế mới, khác hoặc nặng hơn so với luật thuế trong nước. Trường hợp tại Hiệp định có các quy định theo đó Việt Nam có quyền thu thuế đối với một loại thu nhập nào đó hoặc thu thuế với một mức thuế suất nhất định nhưng pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam chưa có quy định thu thuế đối với thu nhập đó hoặc quy định thu với mức thuế suất thấp hơn thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam, nghĩa là không thu thuế hoặc thu thuế với mức thuế suất thấp hơn.*

*3. Khi Việt Nam thực hiện các quy định tại Hiệp định, nếu có các thuật ngữ chưa được định nghĩa tại Hiệp định, thì các thuật ngữ chưa được định nghĩa sẽ có nghĩa như quy định tại pháp luật của Việt Nam cho các mục đích thuế tại thời điểm đó. Đối với một thuật ngữ chưa được định nghĩa tại Hiệp định và chưa được định nghĩa hoặc đồng thời được định nghĩa tại pháp luật của Việt Nam và của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam thì Nhà chức trách có thẩm quyền của hai nước sẽ thực hiện giải quyết vấn đề qua thủ tục thỏa thuận song phương. Đối với một thuật ngữ đồng thời được định nghĩa tại pháp luật thuế và các pháp luật khác, định nghĩa tại pháp luật thuế sẽ được áp dụng để thực hiện Hiệp định”*

+ Tại Điều 11 hướng dẫn xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh:

*“1. Trường hợp doanh nghiệp nước ngoài tiến hành hoạt động sản xuất; kinh doanh tại Việt Nam nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam.*

#### *1.1. Nghĩa vụ thuế*

*Theo quy định tại Hiệp định, thu nhập từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài chỉ bị đánh thuế tại Việt Nam nếu doanh nghiệp đó có một cơ sở thường trú tại Việt Nam và thu nhập đó liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến cơ sở thường trú đó. Trong trường hợp này doanh nghiệp đó chỉ bị đánh thuế tại Việt Nam trên phần thu nhập phân bổ cho cơ sở thường trú đó.*

#### *1.2. Định nghĩa cơ sở thường trú*

*1.2.1. Theo quy định tại Hiệp định, “cơ sở thường trú” là một cơ sở kinh doanh cố định của một doanh nghiệp, thông qua đó, doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình. ...”*

- Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước cộng hòa liên bang Đức về tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản (sau đây gọi là Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Đức).

- Căn cứ thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý thuế và nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý Thuế:

+ Tại Điều 62 quy định Thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Hiệp định thuế)

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết với Công ty thì Nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Nếu Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để kê khai trực tiếp thuế tại Việt Nam nêu tại Điều 8, Mục 2, Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Để xác định khoản thu nhập tại Việt Nam từ hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm thuộc diện miễn thuế tại Việt Nam theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Đức, đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế, đối chiếu với quy định tại Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Đức để áp dụng chính sách thuế phù hợp, đúng quy định.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài đáp ứng điều kiện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Đức và ủy quyền cho Công ty thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thì hồ sơ Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 62 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định nêu trên để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, Công ty có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm Tra số 4 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ cao Hòa Bình được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng TTKT4;
- Phòng DTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, THT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Trường**